

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 242/2020/HS-PT

Ngày: 17/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huồn và bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 220/2020/TLPT-HS ngày 30/7/2020 đối với bị cáo Phan Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 175/2020/HSST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Phan Văn T; sinh năm: 1965, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: 192/63/16/4 V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; tiền án; tiền sự: Không; con ông: Phan H (Liệt sỹ) và bà: Ngô Thị T (đã chết); bị cáo có vợ: Lê Thị H và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1996.

Ngày 08/01/2020, bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn T làm nghề lao động tự do, T sử dụng máy rà kim loại đến nhiều nơi như Đắk Lắk, Đắk Nông, Kon Tum, Huế... để tìm kiếm kim loại bán phế liệu lấy tiền. Quá trình rà tìm, T đã thu gom được 5,8kg thuốc nổ; 18,1 kg thuốc phóng NC; 4.385 viên đạn các loại và một số phế phẩm thuộc một trong các bộ phận của đạn, bom...được tháo gỡ không còn nguyên vẹn của vũ khí quân dụng mang về cất giấu tại nhà ở của mình số 192/63/16/4 V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để bán lấy tiền tiêu xài nhưng chưa tìm được người mua, nên Phan Văn T vẫn tiếp tục cất giấu trong nhà của mình.

Đến khoảng 08 giờ sáng ngày 08/01/2020, có một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch, sử dụng số điện thoại 0564.777.354 gọi cho T 02 lần hỏi mua thuốc nổ để đào giếng (T không biết tại sao người đàn ông này có số điện thoại và biết T có thuốc nổ để hỏi mua). T đồng ý bán thuốc nổ cho người đàn ông này với giá 600.000 đồng/01kg và hẹn giao thuốc nổ tại cây xăng H trên đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 09 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47B2-238.67 chở theo một túi nilon màu đen bên trong đựng 5,8kg thuốc nổ đem đến điểm hẹn để giao cho người mua thì bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện, bắt quả tang và thu giữ 5,8kg chất rắn màu xám nghi là thuốc nổ; 01 điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu Masstel, số EMEI1: 358372051843671; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future Fi, màu sơn xanh xám, số khung: RLHJC7618GZ2051224, số máy: JC76E0074963, biển kiểm soát 47B2-238.67; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy nhãn hiệu Honda Future Fi màu xanh xám, biển kiểm soát 47B2-238.67 mang tên Phan Văn T do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 27/07/2017.

Cùng ngày 08/01/2020, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Văn T tại số nhà 192/63/16/4 V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, T tự nguyện giao nộp: 18,1 kg chất bột màu đen được đựng trong bao xác rắn màu xanh, nghi là thuốc súng; 4.385 viên đạn các loại (đã cũ, rỉ sét), cụ thể: 2.844 viên đạn có đường kính 0,8cm, chiều dài khoảng 5,7cm; 1.541 viên đạn có đường kính khoảng 01 cm, chiều dài khoảng 8,5cm; 01 máy rà kim loại màu xanh đen được tháo rời gồm 03 bộ phận là: Pin điện, thân máy và bàn rà; một số phế phẩm thuộc một trong các bộ phận của đạn, bom... đã hư hỏng và được tháo gỡ không còn nguyên vẹn của vũ khí quân dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 873/C09B ngày 10/01/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- 02 viên đạn (ký hiệu M1) là đạn quân dụng cỡ (5,6x45)mm, thường được sử dụng với các loại súng quân dụng như Steyr AUG (Austria), CZ-805 BREN (Czech Republic), HK33 (Germany), Tavor TAR-21 (Israel), AK-101 (Russia), M16 (USA)... Bản thực nghiệm 02/02 viên đạn, kết quả đạn không nổ.

- 02 viên đạn (ký hiệu M2) là đạn quân dụng 30 - 06 Springfield. Bản thực nghiệm 02/02 viên đạn, kết quả 01 viên đạn nổ.

Tại bản Kết luận giám định số 873/1/C09B ngày 13/01/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- 01 cục chất rắn màu xám (Ký hiệu “Mẫu 1”) gửi giám định là thuốc nổ Tritonal, thành phần chính gồm thuốc nổ TNT (Trinitrotoluen) và Aluminum (bột nhôm). Thuốc nổ Tritonal là thuốc nổ mạnh thường được nhồi trong bom, mìn, đạn pháo, đạn cối, thủy lôi...

- Chất bột màu đen (ký hiệu “B1”) gửi giám định là thuốc phóng NC (Nitrocelulose). Thuốc phóng NC thường được sử dụng làm liều phóng trong các loại đạn.

Hiện tại các mẫu vật vẫn còn khả năng sử dụng được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 175/2019/HSST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 304 và điểm b khoản 2 Điều 305; các điểm s, x khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/01/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2020, bị cáo Phan Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phan Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Văn T về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” theo điểm d khoản 3 Điều 304 và điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Về mức hình phạt 14 năm tù mà Bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Phan Văn T là nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; nhận thức pháp luật về vật liệu nổ, vũ khí quân dụng có phần còn kém; kết quả bắn thực nghiệm 4 viên đạn gửi giám định thì có 03 viên không nổ, chỉ có 01 viên nổ; hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán của bị cáo chưa gây thiệt hại về mặt vật chất trong thực tế. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bố bị cáo là liệt sỹ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s, x khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt; xét xử bị cáo Phan Văn T từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”. Tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo là từ 10 năm 06 tháng đến 12 năm tù.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Phan Văn T không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Văn T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Phan Văn T có hành vi tàng trữ trái phép: 5,8kg thuốc nổ; 18,1 kg thuốc phóng NC; 4.385 viên đạn các loại và một số phế phẩm thuộc một trong các bộ phận của đạn, bom...được tháo gỡ không còn nguyên vẹn của vũ khí quân dụng, cất dấu tại nhà mình ở số 192/63/16/4 V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 08/01/2020, bị cáo đã vận chuyển 5,8 kg thuốc nổ đến cây xăng H trên đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) thì bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phan Văn T về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ” quy định tại điểm d khoản 3 Điều 304 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 305 BLHS là đúng người, đúng tội.

[2] Xét hành vi tàng trữ trái phép vật liệu nổ của bị cáo Phan Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Phan Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 18,1 kg thuốc phóng NC. Tại Mục 1.3.2 Thông tư ban hành quy chuẩn QCVN 02:2016/BQP – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hủy đốt thuốc phóng đạn được số 109/2016/TT-BQP ngày 05/8/2016 của Bộ Quốc Phòng quy định: Thuốc phóng là nhóm chất nổ đặc biệt mà dạng biến đổi hóa học chủ yếu của chúng là cháy dưới tác dụng của xung kích thích từ bên ngoài và được sử dụng trong kỹ thuật quân sự để đẩy phần chiến đầu của đạn (đầu đạn, thân đạn) hoặc tên lửa đến mục tiêu. Mặc dù mục đích của thuốc phóng là đẩy phần chiến đầu của đạn (đầu đạn, thân đạn) hoặc tên lửa đến mục tiêu, nhưng về bản chất thuốc phóng sẽ gây ra phản ứng nổ nếu có tác dụng xung kích thích từ bên ngoài. Điểm a khoản 7 Điều 3 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ quy định: Thuốc nổ là hóa chất hoặc hỗn hợp chất được sản xuất, sử dụng nhằm tạo ra phản ứng nổ dưới tác động của xung kích thích. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 305 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Phan Văn T là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Văn T. Hội đồng xét xử, xét thấy: Mức hình phạt 14 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã tự nguyện giao nộp tang vật vụ án, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, hoàn cảnh kinh tế khó khăn và có bố đẻ là liệt sỹ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm số 175/2020/HSST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo Phan Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Văn T – Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 175/2020/HSST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Áp dụng điểm d khoản 3 Điều 304 và điểm b khoản 2 Điều 305; các điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 10 (Mười) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” và 03 (Ba) năm tù về tội “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép vật liệu nổ”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 08/01/2020.

[2] Về án phí: Bị cáo Phan Văn T không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Văn phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND T.p Buôn Ma Thuột;
- VKSND T.p Buôn Ma Thuột;
- Công an T.p Buôn Ma Thuột;
- Chi cục T.H.A.DS Tp.B;
- Cơ quan T.H.A HS CA Tp.B;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Y Thông Kbuôr